TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 4 - 2018
"*V/v Xin ly hôn, nuôi con*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Hữu Khánh
Ông Nguyễn Văn Hành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017. Về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1976 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh T và chị Đ kết hôn năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Anh T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì mâu thuẫn. Nguyên là vợ chồng sống thường hay cải vã nên không thể tiếp tục chung sống được

nữa, từ đó chị Đ bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2011 cho đến nay. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên anh T yêu cầu xin được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thái Ng, sinh ngày 15/01/1997 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/4/2001, hiện con đang sống với chị Đ. Khi ly hôn anh T yêu cầu Nguyễn Thị A theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thái Ng hiện đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu, nếu con theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với chị Đ sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị Đ biết về việc anh T yêu cầu xin được ly hôn nhưng chị Đ không có ý kiến gì. Tòa án đã hai lần thông báo cho chị Đ tham gia hòa giải nhưng chị Đ không đến cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của anh T, do đó Tòa án không T hành hòa giải được. Tòa án T hành triệu tập chị Đ để xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án T hành xét xử vắng mặt chị Đ được quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị Đ kết hôn năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Anh T và chị Đ kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh T và chị Đ không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh T và chị Đ là vợ chồng.

[3] Về con: Anh T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thái Ng, sinh ngày 15/01/1997 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/4/2001, hiện con đang sống với anh T. Xét thấy, anh T yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ không có ý kiến gì về yêu cầu của nuôi con của anh T. Tòa án T hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Anh xem nguyện vọng ở với ai thì chính quyền địa phương cho rằng chị Đ và cháu

Nguyễn Thị A đã bỏ địa phương đi làm ăn từ 2015 đến nay nên Tòa án không T hành lấy lời khai được đối với cháu Anh được. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Anh hiện đang sống với anh T đã ổn định về tinh thần và tâm lý. Dó đó, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị A cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thái Ng, sinh ngày 15/01/1997 đã trưởng thành nên không xem xét, cháu Ng ở với ai thì người đó nuôi.

[4] Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, chị Đ không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ trả và nợ trả: Anh T trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không nợ trả, chị Đ không ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Đ là vợ chồng.

- Về con: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/4/2001 cho chị Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thái Ng hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

Chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), anh T có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003883 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Đ được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính